

Bản án số: 52/2024/HS-PT

Ngày: 18-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Ngân

Ông Bùi Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Chi - Thư Ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2024/TLHS-PT ngày 01 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh Đ**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 26 tháng 06 năm 1966, tại: xã C, C, Hà Tĩnh. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 05/10; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Nguyễn Trần T (Đã chết). Con bà: Nguyễn Thị S (đã chết). Anh chị em ruột có 09 người, bị cáo là con thứ 09. Vợ: Nguyễn Thị O, sinh năm 1970. Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 34/2012/HSST ngày 20/12/2012 của TAND huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 7 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 05/3/2024 đến nay. (*Bị cáo có mặt*)

Vụ án còn có bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh Đ là công nhân bảo vệ tài sản của Công ty X, thấy sắt công trường có 16 tấm cốt pha bằng kim loại hình chữ V (loại cốt pha để đúc ống) của Công ty TNHH X1 đã lâu, không có ai trông coi nên Nguyễn Minh Đ nảy sinh ý định lấy trộm số cốt pha này đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Chiều tối ngày 22/12/2023, Nguyễn Minh Đ gặp Dương Thị P hẹn khoảng 02 đến 03 giờ sáng ngày 23/12/2023 sẽ mua bán phế liệu cho P. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 23/12/2023, khi đã có mặt tại điểm hẹn, Nguyễn Minh Đ dẫn đường cho Dương Thị P, Dương Thị H (em gái ruột của P) và Đào Văn H1 (cháu họ của H) đi về công trường của Công ty TNHH X1, đến khu vực đặt các tấm cốt pha Đ có ý định lấy trộm bán. Khoảng 02 giờ 15 phút ngày 23/12/2023, sau khi lấy xong 16 tấm cốt pha và sắp xếp lên 02 chiếc xe kéo, Dương Thị H và Đào Văn H1 điều khiển xe mô tô, kéo theo xe kéo tự chế chở các tấm cốt pha đi về nhà chị Đào Thị D ở thôn T, xã T, thành phố H để bán cho chị D.

Tổng số tiền bán được từ 16 tấm sắt trên có khối lượng là 6.800.000 đồng. Dương Thị H và Dương Thị P thống nhất trả cho Nguyễn Minh Đ trả số tiền là 3.600.000 đồng, số tiền còn lại các bị cáo chia nhau.

Ngày 29/12/2023, anh Nguyễn Văn H2 (là người đại diện, quản lý, bảo vệ tài sản tại công trường của Công ty TNHH X1) trong quá trình kiểm kê tài sản thì phát hiện bị mất trộm 16 tấm cốt pha bằng sắt dùng để đúc ống. Ngày 30/12/2023, anh H2 đến Công an xã T trình báo sự việc. Công an xã T đã tiến hành xác minh, xác định Nguyễn Minh Đ, Dương Thị P, Dương Thị H, Đào Văn H1 có liên quan đến vụ việc nên triệu tập làm việc, đồng thời tiến hành thu giữ lại các đồ vật, tài sản có liên quan.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KLĐG ngày 29/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T, kết luận: Tổng giá trị tài sản định giá gồm 16 tấm cốt pha bằng kim loại là: 8.800.000 đồng.

** Về trách nhiệm dân sự:* Người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu Công ty TNHH X1 là anh Nguyễn Văn H2 sau khi nhận lại tài sản bị mất trộm thì không có yêu cầu gì khác về phần dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị D đã nhận lại số tiền bỏ ra mua tài sản là 6.800.000 đồng và không có yêu cầu gì khác.

Với hành vi trên, tại cáo trạng số 47/CT-VKS-TH, ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HSST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1, Khoản 2 điều 51, Điều 17, điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 173, Điều 35 BLHS phạt bổ sung hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố và không có ý kiến tranh luận gì.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/8/2024, bị cáo Nguyễn Minh Đ kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo bổ sung nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm e Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo hoàn toàn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày

23/12/2023, tại khu vực công trường thi công công trình của Công ty TNHH X1, ở thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Minh Đ, Dương Thị P, Dương Thị H và Đào Văn H1 đã có hành vi cùng nhau lấy trộm 16 tấm cốt pha bằng sắt có tổng giá trị 8.800.000 đồng của Công ty TNHH X1.

Hành vi của Nguyễn Minh Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Xét kháng cáo, kháng cáo bổ sung của bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp đơn trình bày hoàn cảnh: vợ chồng bị cáo đã ly thân, con cái ở xa, bản thân bị cáo đã lớn tuổi sống một mình thường xuyên ốm đau bệnh tật. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Minh Đ từng tham gia quân đội ở biên giới phía Bắc từ 1983 – 1988, bị cáo đã chấp hành các quyết định của bản án sơ thẩm nộp tiền phạt bổ sung đầy đủ, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật tốt. Xét thấy, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi mà bị cáo gây ra cho xã hội, nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cần sửa hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo cũng đã đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời tạo điều kiện để bị cáo được lao động, sản xuất nuôi sống bản thân, nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Về án phí: Kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, cải hình phạt cho bị cáo.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Minh Đ 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Minh Đ cho UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Minh Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Hà Tĩnh;
- CA, VKS, TAND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Xuyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Văn thư, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Năng

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Minh Đ 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Minh Đ cho UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Minh Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hà Ngân Bùi Minh Thư

Bùi Quang Năng

